

Bản án số: 93/2019/DS-PT

Ngày: 16 – 7 – 2019

V/v tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất
và yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Bà Trương Tố Hương.

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nghi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà
Tăng Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử
phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2019/TLPT-DS ngày 22 tháng 5 năm 2019
về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng
đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2019/DS-ST ngày 10/4/2019 của Tòa án
nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 132/2019/QĐ-PT ngày 05
tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Sơn N, sinh năm 1952; cư trú tại: Số nhà 175, ấp X, xã L,
thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Sơn Thị P, Luật
sư của Văn phòng Luật sư VT, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Thạch Thị D, sinh năm 1970; cư trú tại: Số nhà 171 ấp X, xã L,
thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lâm Thị H, sinh năm 1958; cư trú tại: Số nhà 175 ấp X, xã L, thị xã V,
tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

2. Ông Sơn Phi A, sinh năm 1979; cư trú tại: Số nhà 175 ấp X, xã L, thị xã V,
tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

3. Ông Trần X, sinh năm 1962; cư trú tại: Số nhà 171 ấp X, xã L, thị xã V,
tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp ông Trần X: Bà Thạch Thị D, sinh năm 1970; cư trú tại: Số nhà 171 ấp X, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền lập ngày 01/3/2019). Bà D có mặt.

4. Ông Sơn T, sinh năm 1960; cư trú tại: Số nhà B07/96 Trà Kha, khóm 1, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt).

5. Ủy ban nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. *Người đại diện hợp pháp của UBND thị xã Vĩnh Châu:* Ông Sơn Ngọc Y, phó Chủ tịch UBND thị xã V là người đại diện theo ủy quyền; (Văn bản ủy quyền ngày 11/6/2019). Ông Y vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thị xã Vĩnh Châu: Ông Trần Văn Z, phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã V. Ông Z vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 01 đường 30/4, khóm M, phường H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người kháng cáo:* Bà Thạch Thị D là bị đơn.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Trong đơn khởi kiện ngày 16/01/2013 và đơn thay đổi nội D khởi kiện ngày 11/01/2018 cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Sơn N trình bày:*

Gia đình ông Sơn N có quyền sử dụng đất 881m² đất thuộc thửa số 108, tờ bản đồ số 24; tọa lạc tại ấp X, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ ông Sơn N đứng tên. Nguồn gốc quyền sử dụng đất do ông Sơn N nhận chuyển nhượng của bà Kim Thị U. (Cùng địa phương) vào năm 1997. Năm 2008 bà Thạch Thị D (Có đất liền kề với đất của ông Sơn N) đã lấn sang phần đất của ông Sơn N diện tích 107,3m² nên xảy ra tranh chấp. Vụ việc đã được Tổ hòa giải ấp Xung Thum B và UBND xã Lai Hòa hòa giải nhưng không thành. Trong quá giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Sơn N thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu giải quyết, buộc bà Thạch Thị D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần X và các thành viên trong gia đình giao trả lại cho ông Sơn N phần đất lấn chiếm có diện tích 170,5 m² nằm trong thửa đất số 108 tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại ấp X, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng theo kết quả thẩm định đo đạc ngày 05/6/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- *Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Thạch Thị D đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần X trình bày:*

Vào năm 1993, vợ chồng bà Thạch Thị D và ông Trần X có nhận chuyển nhượng diện tích đất chiều ngang 15m, chiều dài 21m của ông Sơn Ê (Hiện nay đã chết) và chuyển nhượng của con ông Sơn Ê là bà Sơn Thị G (Hiện nay đã chết) một cái địa giáp với đất của ông Sơn Ê về phía nam và phần đất phía sau. Gia đình bà D sử dụng hai phần đất nêu trên ổn định từ năm 1993 và trong quá trình sử dụng đất không xảy ra tranh chấp. Đến năm 1997 ông Sơn N nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Kim Thị U. (Hiện nay đã chết) ở cặp bên đất bà D về hướng tây,

ông Sơn N đổ đất lấn qua đất của bà D. Bà D cho rằng, ông Sơn N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại diện tích đất tranh chấp lấn qua đất của gia đình bà D. Nay bà D yêu cầu Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Sơn N, đồng thời hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Sơn N đối với phần đất tranh chấp nêu trên nằm trong thửa số 108, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp X, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị H và ông Sơn Phi A trình bày: Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Sơn N, không có ý kiến trình bày bổ sung.

- Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/08/2014 và tờ tường trình ngày 12/8/2014 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Sơn T trình bày:

Gia đình ông Sơn T có diện tích đất tọa lạc tại ấp X, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, nhưng diện tích bao nhiêu ông không biết. Do ông Sơn T lập gia đình và sinh sống ở Bạc Liêu, nên việc cha ông T là Sơn Ê bán đất cho ông Trần X cụ thể như thế nào thì ông Sơn T không biết. Việc tranh chấp đất giữa bà Thạch Thị D với ông Sơn N đối với diện tích đất nêu trên không có liên quan đến ông Sơn T và ông Sơn T không có ý kiến gì.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết tại bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2019/DS-ST ngày 10/4/2019 đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 143; 144; 146; 147; 156; 157; 158; 164; 165; 166; khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 244; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ các Điều 163, 164, 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ khoản 24 Điều 3, khoản 5 Điều 98, Điều 100, khoản 2 Điều 101, Điều 202, 203 của Luật Đất đai 2013; căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 27 của pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội số:10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Sơn N yêu cầu bị đơn bà Thạch Thị D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần X và các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ giao trả lại phần đất có diện tích 170,5m² nằm trong thửa đất số 108, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp X, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng do hộ ông Sơn N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Buộc bị đơn bà Thạch Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần X và các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ giao trả lại phần đất có diện tích 170,5m² nằm trong thửa đất số 108, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp X, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng do hộ ông Sơn N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất có đặc điểm về diện tích và tứ cận thực tế như sau: *Hướng đông giáp đất của bà Thạch Thị D thửa 100 và thửa 107 có số đo 64,89m (Đo từ lộ Giồng Nhãn hướng Bắc kéo về hướng Nam giáp kênh Trường Sơn). Hướng tây giáp phần đất còn lại của gia đình ông Sơn N thửa 108 đang quản lý sử dụng có số đo 64,83m (Đo từ lộ Giồng Nhãn hướng bắc kéo về hướng Nam giáp kênh Trường Sơn); Hướng nam giáp kênh Trường Sơn có số đo 2,66m (Đo từ giáp đất bà Sơn Thị U hướng đông kéo về hướng tây 11,64m làm điểm chuẩn, rồi tiếp tục kéo về hướng tây 2,66m); Hướng bắc giáp lộ Giồng Nhãn có số*

đo 2,60m (Đo từ giáp đất bà U hướng đông kéo về hướng Tây 12,4m làm điểm chuẩn rồi tiếp tục kéo về hướng tây 2,60m).

2. Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn bà Thạch Thị D, yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 170,5m² nằm trong thửa đất số 108, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp X, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng do hộ ông Sơn N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/4/2019, bị đơn bà Thạch Thị D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm theo hướng bác đơn khởi kiện của ông Sơn N và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Sơn N cấp ngày 13/10/1997.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Sơn N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định phần đất tranh chấp nằm trên bờ ranh và bờ ranh này là của ông; bị đơn bà Thạch Thị D không rút đơn kháng cáo và đồng ý chia đôi phần đất bờ ranh tranh chấp; ngoài ra, bà yêu cầu hoãn phiên tòa để bà nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà; các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội D vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng phần đất ông Sơn N nhận chuyển nhượng của bà Kim Thị U. là một cái đĩa, khi sang nhượng bà U có ra chỉ ranh là hết cái bờ đang tranh chấp và theo sơ đồ đo đạc thẩm định và được Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Vĩnh Châu xác định phần đất tranh chấp nằm trong thửa đất số 108 do ông Sơn N đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ, nên yêu cầu Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của bà D và căn khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng. Về nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nội D kháng cáo của bà D và đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo hướng chia đôi phần đất tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Tại phiên tòa, bà D yêu cầu hoãn phiên tòa để bà nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà. Xét thấy, việc bà D yêu cầu hoãn phiên tòa để bà nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà không phải là lý do để hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên HĐXX không

chấp nhận yêu cầu này của bà.

[2] Tại phiên tòa, ông Trần X vắng mặt lần thứ hai nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa; người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thị xã V vắng mặt lần thứ hai, nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt; ông Sơn T vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do, nên HĐXX căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về người kháng cáo, nội D, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của bà Thạch Thị D là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bà Thạch Thị D về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết bác đơn khởi kiện của ông Sơn N. Xét thấy, phía ông N có nhận chuyển nhượng phần đất của bà Kim Thị U. (Hiện nay đã chết) vào năm 1997, ông N đăng ký và được cấp giấy chứng nhận vào năm 1997; còn bà D thì nhận chuyển nhượng đất của ông Sơn Ê (Hiện nay đã chết) vào năm 1993 và chuyển nhượng của bà Sơn Thị G (Hiện nay đã chết) cái địa giáp đất ông N và phần đất phía sau, bà chưa đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện nay thuộc thửa 100 và 107; các phần đất này cùng thuộc tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp X, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Theo đơn khởi kiện ngày 16/01/2013 ông Sơn N yêu cầu bà D trả phần đất lấn chiếm có diện tích 107,3m², tuy nhiên đến khi xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11/10/2013 thì ông chỉ đo phần đất tranh chấp có diện tích 203m², nhưng sau đó ông chỉ yêu cầu bà D trả diện tích 170,5m². Sau khi xét xử sơ thẩm có kháng cáo và Tòa án cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm về xét xử lại ông Vẫn yêu cầu bà D trả phần đất lấn chiếm có diện tích 170,5m², điều đó chứng tỏ ông không xác định được phần đất tranh chấp có diện tích chính xác là bao nhiêu, tới vị trí nào. Ngoài ra, việc ông N đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là dựa trên sơ đồ không ảnh, không có đo đạc thực tế thửa đất, nên không chính xác về tứ cạnh cũng như diện tích đất; vì vậy, việc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã V xác định phần đất tranh chấp nằm trong thửa 108 do hộ ông N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp vào năm 1997 là chưa có căn cứ vững chắc, từ đó Tòa án cấp sơ thẩm dựa vào kết quả này để buộc bà D trả lại phần đất tranh chấp có diện tích 170,5m² cho hộ ông N là chưa có cơ sở thuyết phục. Mặt khác, tại biên lấy lời khai ngày 21/01/2016 (Bút lục số 240) ông N xác định thửa đất 108 ông nhận chuyển nhượng của bà Kim Thị U. vào năm 1997, việc chuyển nhượng không có làm giấy tờ, thỏa thuận là chuyển nhượng nguyên thửa, giữa hai bên không có tiến hành đo đạc và bà U có chỉ ranh, ranh đất là các cây cha và ông đã đốn bỏ các cây trên. Còn theo bà U thì cũng xác định việc chuyển nhượng đất cho ông N không có làm giấy tờ, không đo vẽ nên không biết diện tích là bao nhiêu, chỉ biết chuyển nhượng đến giáp địa của bà D, lấy bờ giữa hai địa làm ranh, nhưng đã bị san lấp hiện trạng bờ ranh không còn, nên hiện nay không xác định được ranh đất. Mặt khác, quá trình sử dụng đất giữa ông N với bà D chưa cụ thể rõ ràng, hai bên đều không xác định không ai sử dụng phần đất tranh chấp từ khi tranh chấp cho đến nay và không ai đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh ranh đất giữa hai bên, không có cắm trụ phân ranh hoặc trồng cây cối để xác định, nên không xác định được ranh đất giữa hai bên là tới vị trí nào, mặc dù theo những người làm chứng ông Kim K, ông Thạch R xác định

ranh đất giữa ông N với bà D là cái bờ, nhưng hiện hay đã bị san lấp không xác định được ranh đất giữa hai bên. Do đó, ranh đất giữa ông N với bên bà D là không có cơ sở để xác định. Từ đó cho thấy, quá trình sử dụng đất có sự trùng lấn đối với phần đất tranh chấp, nên HĐXX thấy rằng cần chia đôi diện tích đất tranh chấp để mỗi người quản lý sử dụng $\frac{1}{2}$ là hợp tình, hợp lý. Vì vậy, HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của bà D, và buộc bà D, ông Trần X và các thành viên trong gia đình trả lại cho ông N $\frac{1}{2}$ diện tích đất tranh chấp nêu trên.

[5] Xét kháng cáo của bà Thạch Thị D về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Sơn N cấp ngày 13/10/1997. Xét thấy, trên cơ sở nhận định tại mục [3] nêu trên thì phần đất tranh chấp được chia đôi, Tòa án buộc bà D giao trả cho ông N diện tích 85,25m². Tuy nhiên, việc cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho ông N không xác định tới vị trí nào, không xác định được có bao trùm phần đất tranh chấp hay không, nên không cần thiết phải hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông N; vì vậy, bà D yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện V (Nay là thị xã V) cấp cho hộ ông N ngày 13/10/1997, thuộc thửa 108, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp T, xã L, thị xã V là không có cơ sở, nên không được HĐXX chấp nhận.

[6] Đối với lời đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của TAND thị xã Vĩnh Châu là chưa có cơ sở như nhận định ở phần trên, nên không được HĐXX chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bản án dân sự sơ thẩm bị sửa nên án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và vụ án được thụ lý trước ngày 01/01/2017, nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVHQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Theo đó, yêu cầu khởi kiện của ông N không được chấp nhận một phần, nên ông N phải chịu án phí không có giá ngạch, nhưng ông N là người cao tuổi nên được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do bà D có nghĩa vụ đối với một phần yêu cầu khởi kiện của ông N được HĐXX chấp nhận, nên bà D phải chịu án phí không có giá ngạch theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 1, 3 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12, ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng bà D đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 009758 ngày 01/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu là không đúng, vì theo bản án phúc thẩm số 94/2017/DS-PT, ngày 05/7/2017 đã tuyên trả lại cho bà D số tiền 200.000 đồng vừa nêu, nếu tuyên khấu trừ là trái với nội D bản án đã có hiệu lực pháp luật.

[8] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ở cấp sơ thẩm: Tổng chi phí số tiền 4.005.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của ông N không được chấp nhận một phần và bà D có nghĩa vụ đối với một phần yêu cầu khởi kiện của ông N, nên ông N và bà D mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí trên theo quy định tại khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do ông N nộp tạm ứng trước nên bà D có nghĩa vụ hoàn trả cho ông N $\frac{1}{2}$ số tiền trên.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn bà Thạch Thị D được chấp nhận một phần nên bà D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[10] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị HĐXX chấp nhận một phần nội D kháng cáo của bà D và áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo hướng chia đôi phần đất tranh chấp là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 2 Điều 148, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 1, 3 Điều 27 Pháp lệnh số: 10/2009/PL-UBTVQH12, ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần nội D kháng cáo của bị đơn bà Thạch Thị D.

2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2019/DS-ST ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Án tuyên như sau:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Sơn N. Buộc bị đơn bà Thạch Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần X cùng các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ giao trả lại phần đất tranh chấp có diện tích 85,25m² thuộc thửa đất số 108, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp X, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng do hộ ông Sơn N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất có số đo tứ cạnh như sau: Hướng đông giáp đất tranh chấp còn lại của bà Thạch Thị D thuộc thửa 100 và thửa 107 có số đo 64,89m (Đo từ lộ Giồng Nhãn hướng Bắc kéo về hướng Nam giáp kênh Trườn Sơn). Hướng tây giáp phần đất còn lại của gia đình ông Sơn N thửa 108 đang quản lý sử dụng có số đo 64,83m (Đo từ lộ Giồng Nhãn hướng bắc kéo về hướng Nam giáp kênh Trườn Sơn); Hướng nam giáp kênh Trườn Sơn có số đo 1,33m (Đo từ giáp đất bà Sơn Thị U hướng đông kéo về hướng tây 12,97m làm điểm chuẩn, rồi tiếp tục kéo về hướng tây 1,33m là đất giao trả cho ông Sơn N); Hướng bắc giáp lộ Giồng Nhãn có số đo 1,30m (Đo từ giáp đất bà U hướng đông kéo về hướng Tây 13,7m làm điểm chuẩn rồi tiếp tục kéo về hướng tây 1,30m là đất giao trả cho ông Sơn N).

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Sơn N là phần đất tranh chấp có diện tích còn lại là 85,25m² nằm liền kề với phần đất buộc bà D, ông Trần X cùng các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ giao trả cho ông Sơn N (Nằm ở hướng đông bên thửa đất số 100 và 107 của bà D).

- Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn bà Thạch Thị D, yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 170,5m² nằm trong thửa đất số 108, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp X, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng do hộ ông Sơn N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- *Án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Thạch Thị D phải chịu là 200.000 đồng. Ông Sơn N được miễn án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông Sơn N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 107.300 đồng theo Biên lai thu số 005872 ngày 14/3/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- *Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:* Ông Sơn N phải chịu 2.002.500 đồng, bà Thạch Thị D phải chịu 2.002.500 đồng. Do ông N đã nộp tạm ứng trước số tiền 4.005.000 đồng, nên bà D có nghĩa vụ hoàn trả cho ông N số tiền 2.002.500 đồng.

3. *Án phí dân sự phúc thẩm:* Bà Thạch Thị D không phải chịu. Hoàn trả cho bà Thạch Thị D số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007917 ngày 25/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (*Được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn